

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 312/2025/LĐ-ST

Ngày: 20 - 6 - 2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng
lao động”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Tín

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Lê Văn Công – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Lý Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 318/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 10 năm 2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2025/QĐXXST-LĐ ngày 06 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1987; thường trú: ấp S, xã V, huyện T, tỉnh An Giang. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K (Việt Nam); địa chỉ: Số A, đường số C, khu công nghiệp V - Singapore, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Chen Fu Y, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, đường số C, khu công nghiệp V - Singapore, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương – là người đại diện theo uỷ quyền. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bảo hiểm xã hội thành phố T, địa chỉ: Đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Khánh T, sinh năm 1992; địa chỉ: 1 khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 11/2005. Bà Đ có nhu cầu làm thủ tục rút bảo hiểm xã hội một lần nên có liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T để làm thủ tục thì được thông báo thời điểm từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 02 năm 2010 bà Đ có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K (Việt Nam), công ty này có đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Tuy nhiên thực tế bà không có làm việc tại Công ty TNHH K (Việt Nam), vào năm 2008 bà Đ có cho bà Nguyễn Thị Khánh T mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Đ để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K (Việt Nam), người làm việc thực tế tại Công ty TNHH K (Việt Nam) là bà Nguyễn Thị Khánh T.

Việc bà T sử dụng thông tin của bà Đ để giao kết hợp đồng lao động là không đúng với quy định của pháp luật, có hành vi gian dối, vi phạm nguyên tắc trung thực. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động Nguyễn Thị Hồng Đ với Công ty TNHH K (Việt Nam) là vô hiệu, bà Đ không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH K (Việt Nam) trình bày: Đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên Nguyễn Thị Hồng Đ (do bà Nguyễn Thị Khánh T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K (Việt Nam) là vô hiệu toàn bộ, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1987, số căn cước công dân 351750150 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, với các mã số bảo hiểm xã hội như sau:

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 7408246405, bà Nguyễn Thị Hồng Đ tham gia BHXH từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 02 năm 2010 tại Công ty TNHH K (Việt Nam), đã được Bảo hiểm xã hội tỉnh B xác nhận chốt sổ cấp tờ rời sổ BHXH ngày 11/02/2017, chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và bảo hiểm thất nghiệp.

+ Đối với mã số bảo hiểm xã hội 9105174635, bà Nguyễn Thị Hồng Đ tham gia BHXH từ tháng 11/2005 đến tháng 02/2023 tại Công ty TNHH K1 (Việt Nam), chưa hưởng bảo hiểm xã hội một lần, đã hưởng bảo hiểm thất nghiệp theo Quyết định số 31833 ngày 19/5/2023.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ, Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Khánh T trình bày: Thời điểm tháng 9 năm 2008 do bà chưa đủ tuổi lao động nên mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Hồng Đ để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH K (Việt

Nam) với tên Nguyễn Thị Hồng Đ và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà Đ. Hợp đồng lao động bà không còn giữ nên không thể cung cấp cho Toà án được. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ thì bà đồng ý, không có yêu cầu hay ý kiến gì khác và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ khởi kiện tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Nguyễn Thị Hồng Đ (do bà Nguyễn Thị Khánh T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K (Việt Nam) vào thời điểm tháng 9/2008 đến tháng 02/2010 là vô hiệu toàn bộ. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp về hợp đồng lao động” được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Công ty TNHH K (Việt Nam) có địa chỉ trụ sở tại Số A, đường số C, khu công nghiệp V - Singapore, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; người đại diện hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[1.4]. Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị Hồng Đ (do bà Nguyễn Thị Khánh T là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH K (Việt Nam) trong khoảng thời gian làm việc từ tháng 9/2008 đến tháng 02/2010 là vô hiệu; đồng thời người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T cũng không có yêu cầu gì trong vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Căn cứ vào trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Khánh T dùng chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Hồng Đ để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K (Việt Nam) và tham gia bảo hiểm xã hội trong thời

gian từ tháng 9/2008 đến tháng 02/2010 tại sổ bảo hiểm xã hội số 7408246405. Đồng thời, theo Công văn số 358/CV-BHXXH ngày 12/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T thể hiện trong khoảng thời gian nêu trên, bà Nguyễn Thị Hồng Đ cũng làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại công ty TNHH K1 (Việt Nam).

[2.2]. Theo khoản 1 Điều 15 và Điều 16 của Bộ luật lao động quy định khi giao kết hợp đồng lao động phải trên nguyên tắc: *“Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực”* và người lao động có nghĩa vụ: *“Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”*.

Mặt khác, theo Điều 49 của Bộ luật Lao động quy định: Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ khi người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này.

[2.3]. Thực tế người lao động ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K (Việt Nam) là bà Nguyễn Thị Khánh T, không phải bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Việc bà T mượn giấy tờ tùy thân của bà Đ để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH K (Việt Nam) là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019, nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động 2019 đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ là có cơ sở chấp nhận.

[2.4]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ đối với bị đơn Công ty TNHH K (Việt Nam) về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

[2.5] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm. Do bà Đ tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm nên Công ty TNHH K (Việt Nam) không phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 122, 127, 131 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Các Điều 17, 50, 51 và Điều 52 Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019);

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ về việc “Tranh chấp về hợp đồng lao động” với bị đơn Công ty TNHH K (Việt Nam).

- Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Nguyễn Thị Hồng Đ và Công ty TNHH K (Việt Nam) trong thời gian từ tháng 9/2008 đến tháng 02/2010 bị vô hiệu toàn bộ.

- Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Nguyễn Thị Hồng Đ theo quy định pháp luật.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Hồng Đ tự nguyện chịu tiền án phí lao động sơ thẩm là 300.000 đồng, khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002893 ngày 08/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty TNHH K (Việt Nam) không phải chịu tiền án phí lao động sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Trung Tín